

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG CHO VAY

Số:

Hôm nay, ngày .../.../....., tại....., Các Bên gồm:

▪ **Bên Cho Vay:** Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh/Phòng Giao dịch

- Mã số doanh nghiệp: do Sở KH&ĐT cấp lần đầu ngày .../.../....., đăng ký bổ sung lần vào ngày .../.../.....

- Địa chỉ trụ sở :

- Điện thoại :- Fax:

- Đại diện theo ủy quyền: Ông/Bà:- Chức vụ:.....

Sau đây gọi là **VPBank**

▪ **Bên Vay: Ông/Bà.....**

- Hộ khẩu thường trú:

- Địa chỉ hiện tại :

- Giấy CMND/Hộ chiếu/CCCD: Ông.....mang Giấy CMND/Hộ chiếu/CCCD sốdocấp ngày .../.../.....; Bà mang Giấy CMND/Hộ chiếu/CCCD sốdocấp ngày .../.../.....

- Điện thoại nhà riêng:- Điện thoại di động:

- Email (nếu có):

Sau đây gọi là **Bên vay**

Bên vay và VPBank sau đây được gọi chung là “Các Bên” và gọi riêng là “Bên”

Đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng cho vay (“Hợp Đồng”) này với các nội dung như sau:

Điều 1. Thỏa Thuận Về Cho Vay

1. Số tiền cho vay:(Bằng chữ:.....).
2. Thời hạn cho vay:.....(Bằng chữ:), tính từ ngày tiếp theo của ngày VPBank giải ngân vốn vay cho Bên vay.
3. Mục đích sử dụng tiền vay:.....
4. Điều kiện và phương thức giải ngân:
 - a) Điều kiện giải ngân: Thực hiện theo quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung (như được quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này).
 - b) VPBank giải ngân cho Bên vay theo phương thức:
 Bằng tiền mặt; Chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Bên vay;
 Chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Bên thụ hưởng.
 - c) Thủ tục nhận giải ngân và nhận nợ: Khi VPBank thực hiện giải ngân cho Bên vay theo phương thức như quy định tại Điểm b, Khoản 4 nêu trên, Bên vay bằng việc ký kết Hợp Đồng này xác nhận nhận nợ đối với toàn bộ số tiền cho vay theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 này từ VPBank.

Bên vay nhận nợ kể từ thời điểm số tiền cho vay được VPBank giải ngân. Bên vay đồng ý rằng, các chứng từ ghi nhận việc VPBank giải ngân số tiền cho vay là bằng chứng xác nhận việc Bên vay đã nhận nợ theo Hợp Đồng này. Tùy từng trường hợp cụ thể, chứng từ ghi nhận việc giải ngân có thể là một trong các chứng từ sau: Giấy nhận tiền mặt hoặc Giấy lĩnh tiền mặt hoặc chứng từ tương đương khác (áp dụng trong trường hợp giải ngân bằng tiền mặt), chứng từ chuyển khoản của VPBank (áp dụng trong trường hợp giải ngân chuyển khoản).

5. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.
6. Trả nợ gốc, lãi tiền vay:
 - a) Gốc, lãi trả cuối kỳ, theo đó Bên vay phải trả nợ gốc, lãi cho VPBank vào ngày kết thúc Thời hạn cho vay nêu tại Khoản 2 Điều này.
 - b) Các Bên đồng ý rằng tại bất kỳ thời điểm nào của ngày đến hạn trả nợ, VPBank được quyền tự động trích (các) tài khoản thanh toán của Bên vay để thu hồi nợ. Trường hợp số dư trên tài khoản thanh toán không đủ để VPBank thu nợ, VPBank được quyền (nhưng không có nghĩa vụ) sử dụng Tài sản cầm cố để bù trừ cho nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định tại Điều 2 Hợp Đồng này. Khi VPBank thực hiện bù trừ nghĩa vụ theo quy định tại Điều này, bản gốc Giấy tờ về Tài sản cầm cố sẽ được VPBank quản lý theo quy định của VPBank.
7. Lãi suất cho vay, phí:
 - a) Lãi suất cho vay (trong hạn): Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân:%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được giữ cố định trong suốt Thời hạn cho vay.
 - b) Phương pháp tính lãi: Tiền lãi cho vay trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi Bên vay phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức bằng $(=) \sum (\text{Số dư thực tế nhân } (x) \text{ Số ngày duy trì số dư thực tế nhân } (x) \text{ Lãi suất tính lãi}) \text{ chia } (/) 365$. Các yếu tố dùng để tính lãi trong công thức này và các vấn đề khác liên quan đến phương pháp tính lãi thực hiện theo quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung.
 - c) Phí liên quan đến khoản vay: Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank các khoản phí sau đây:
 - (i) Phí trả nợ trước hạn với mức phí là:
 - (ii) Phí với mức phí là:
 - (iii) Các khoản phí khác: Thực hiện theo thỏa thuận cụ thể giữa VPBank và Bên vay phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
8. Các Bên đồng ý rằng, các thỏa thuận khác liên quan tới khoản vay của Bên vay không được quy định trong Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn thỏa thuận về điều kiện giải ngân, lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn), lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả, nợ quá hạn và chậm thanh toán tiền lãi, chấm dứt cho vay thu hồi nợ trước hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, quyền và nghĩa vụ của Các Bên,... được thực hiện theo Điều Kiện Giao Dịch Chung, các văn bản thỏa thuận khác giữa VPBank và Bên vay và quy định của pháp luật.
9. Bên vay đồng ý rằng VPBank có quyền tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay tại VPBank, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại VPBank hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên vay trích tiền chuyển cho VPBank để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho VPBank theo Hợp Đồng này và Điều Kiện Giao Dịch Chung hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của Bên vay đối với VPBank theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa VPBank và Bên vay (bao gồm cả trường hợp Bên vay đề nghị trả nợ trước hạn).

10. Căn cứ quy định pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan, Các Bên cùng bàn bạc, thống nhất thỏa thuận về việc cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng như sau: Bên vay đồng ý cho VPBank cung cấp thông tin tín dụng của Bên vay tại VPBank cho bất kỳ công ty, tổ chức nào hoạt động trong lĩnh vực thông tin tín dụng (“**Công ty thông tin tín dụng**”) mà VPBank là tổ chức tham gia. Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này, VPBank đã thông báo với Bên vay thông tin về Công ty thông tin tín dụng và các vấn đề khác liên quan đến việc cung cấp, xử lý, sử dụng thông tin tín dụng của Bên vay tại VPBank, chi tiết được quy định chi tiết tại Điều Khoản Giao Dịch Chung.

11. Các thỏa thuận khác:

Điều 2. Thỏa Thuận Về Tài Sản Bảo Đảm

1. Để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ (“**Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm**”) của Bên vay đối với VPBank phát sinh từ Hợp Đồng này (bao gồm cả Điều Khoản Giao Dịch Chung, các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan) (“**Văn Kiện Tín Dụng**”), Bên vay đồng ý cầm cố tài sản là (các) khoản tiền gửi/giấy tờ có giá (“**TSCC**”) sau đây thuộc sở hữu của Bên vay cho VPBank:

Với TSCC là tiền gửi tiết kiệm:

TT	Số tiền gửi	Ngày gửi tiền	Ngày đến hạn	Giấy tờ về tiền gửi	Tổ chức nhận tiền gửi
1				<i>Thẻ tiết kiệm/Chứng nhận tiền gửi số</i>	

Với TSCC là tiền gửi có kỳ hạn được gửi theo Hợp đồng/Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn ký kết trực tiếp giữa VPBank và Bên vay:

TT	Số tiền gửi	Ngày gửi tiền	Ngày đến hạn	Giấy tờ về tiền gửi	Tổ chức nhận tiền gửi
1				<i>Hợp đồng/Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn số</i>	

Với TSCC là tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi tiết kiệm được gửi qua phương tiện điện tử:

TT	Số tiền gửi	Ngày gửi tiền	Ngày đến hạn	Số tài khoản tiền gửi	Tổ chức nhận tiền gửi
1					

Với TSCC là chứng chỉ tiền gửi:

TT	Tên gọi của chứng chỉ tiền gửi	Ký hiệu, số sê-ri phát hành	Mệnh giá	Ngày phát hành	Ngày đến hạn	Tổ chức phát hành
1						

Trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này, ngoại trừ trường hợp số tiền lãi được VPBank trả định kỳ, trả trước, Các Bên đồng ý rằng toàn bộ số tiền lãi, quyền và các lợi ích phát sinh từ (các) khoản tiền gửi/giấy tờ có giá nêu trên và toàn bộ số tiền (gốc, lãi) trong trường hợp (các)

khoản tiền/giấy tờ có giá này được chuyển, thanh toán vào/tới bất kỳ tài khoản nào (tài khoản thanh toán, tài khoản có kỳ hạn, tài khoản không kỳ hạn ...) của Bên vay tại VPBank (nếu có) hoặc do VPBank quản lý, giữ hộ đều thuộc TSCC và đều bảo đảm cho việc thực hiện các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

2. Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo quy định tại Khoản 1 nêu trên là toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai của Bên vay đối với VPBank bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác. Các Bên đồng ý rằng, VPBank theo Hợp Đồng này được hiểu là bất kỳ Đơn vị nào (Trụ sở chính, Chi nhánh, Phòng Giao dịch ...) thuộc mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.
3. Việc cầm cố TSCC có hiệu lực cho đến khi Bên vay thực hiện xong tất cả Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này và VPBank đã thực hiện xong các thủ tục để chấm dứt cầm cố đối với TSCC theo quy định của VPBank.
4. Bên vay phải bàn giao cho VPBank bản gốc tất cả các Giấy tờ về tiền gửi, bản gốc Giấy tờ có giá của TSCC mà Bên vay đang nắm giữ (“Giấy tờ về TSCC”) trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này. VPBank sẽ tạm khóa, phong tỏa toàn bộ TSCC. Bên vay không được rút, tất toán, thanh toán tiền (gốc, lãi) hay bất kỳ giao dịch nào đối với TSCC nếu không được sự đồng ý của VPBank. Trường hợp TSCC được trả/thanh toán lãi theo phương thức trả/thanh toán lãi định kỳ, lãi trước, Bên vay chỉ được rút/nhận thanh toán lãi định kỳ/lãi trước nếu được VPBank chấp thuận.
5. Các Bên đồng ý rằng, VPBank được quyền sử dụng (các) khoản tiền gửi/giấy tờ có giá thuộc TSCC để bù trừ cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm (nếu (các) khoản tiền gửi/giấy tờ có giá này có cùng thời hạn với Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm) hoặc được rút/thanh toán trước hạn (các) khoản tiền gửi/giấy tờ có giá thuộc TSCC để thanh toán cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm (nếu (các) khoản tiền gửi/giấy tờ có giá này không có cùng thời hạn với Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm) khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đến hạn thực hiện bất kỳ Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm nào mà Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ;
 - b) Khi xảy ra các trường hợp dẫn đến VPBank có quyền thu hồi nợ trước hạn hoặc có quyền xử lý TSCC theo quy định tại Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung.
6. Ngoài trường hợp được bù trừ nghĩa vụ như quy định nêu trên, VPBank được quyền thực hiện xử lý TSCC để thu hồi nợ mà không cần có ủy quyền, thỏa thuận, chấp thuận nào từ Bên vay trong các trường hợp sau:
 - a) Đến hạn trả nợ theo Văn Kiện Tín Dụng mà Bên vay không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ;
 - b) Bên vay không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp VPBank thu hồi nợ trước hạn theo Văn Kiện Tín Dụng;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung.
7. Trường hợp lựa chọn xử lý TSCC, VPBank được quyền xử lý TSCC theo một, một số phương thức sau:
 - a) Rút, tất toán, thanh toán và nhận thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi thuộc TSCC và sử dụng số tiền này để thu hồi nợ;
 - b) Các phương thức khác theo quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung hoặc theo thỏa thuận bổ sung của Các Bên tại thời điểm xử lý và quy định của pháp luật.
8. Trường hợp lựa chọn xử lý TSCC, VPBank sẽ thông báo về việc xử lý TSCC cho Bên vay. Việc xử lý TSCC sẽ được VPBank thực hiện ngay sau khi thông báo. Việc thông báo có thể được VPBank thực hiện bằng văn bản hoặc các phương tiện điện tử (điện thoại, email ...) như thỏa thuận chi tiết tại Điều Khoản Giao Dịch Chung. Khi TSCC bị xử lý, TSCC sẽ được rút/thanh toán trước hạn.

9. Trong các trường hợp TSCC được rút/thanh toán trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng này, tiền lãi đối với TSCC sẽ được tính theo quy định về rút/thanh toán trước hạn của VPBank tại thời điểm rút.
10. Khi thực hiện bù trừ hoặc xử lý TSCC, VPBank được quyền xử lý đồng thời các khoản tiền lãi định kỳ/tiền lãi trả trước nếu các khoản tiền lãi này chưa được/chưa đến ngày thanh toán theo quy định của VPBank.
11. Bên vay cam kết TSCC thuộc quyền sở hữu riêng, toàn bộ, hợp pháp của Bên vay. TSCC không bị hạn chế giao dịch (bao gồm cả giao dịch cầm cố theo Hợp Đồng này) bởi bất kỳ cam kết, thỏa thuận nào khác giữa Bên vay với bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào khác (bao gồm cả thỏa thuận giữa Bên vay với vợ/chồng Bên vay). Bên vay có toàn quyền xác lập giao dịch cầm cố và các giao dịch khác liên quan tới TSCC với VPBank. Hợp Đồng này và các tài liệu liên quan do Bên vay xác lập có đầy đủ giá trị pháp lý và được bảo vệ, công nhận bởi pháp luật.
12. Các Bên đồng ý rằng, các thỏa thuận khác liên quan tới TSCC không được quy định trong Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn thỏa thuận về quản lý TSCC, các trường hợp xử lý TSCC, phương thức xử lý TSCC được thực hiện theo Điều Khoản Giao Dịch Chung, các văn bản thỏa thuận khác giữa VPBank và Bên vay và quy định của pháp luật.

Điều 3. Áp Dụng Điều Khoản Giao Dịch Chung

Bằng việc ký vào Hợp Đồng này, Bên vay xác nhận rằng:

1. Điều Khoản Giao Dịch Chung: Tại Hợp Đồng này, Điều Khoản Giao Dịch Chung được hiểu là bản Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank, được VPBank niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Điều Khoản Giao Dịch Chung là những điều khoản ổn định do VPBank công bố từng thời kỳ để áp dụng chung cho các khách hàng cá nhân vay vốn từng lần tại VPBank và khoản vay của khách hàng được bảo đảm 100% bằng tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn gửi tại VPBank và giấy tờ có giá là chứng chỉ tiền gửi ghi danh do VPBank phát hành. Nếu Bên vay chấp nhận ký kết Hợp Đồng thì được coi là đồng thời chấp nhận các điều khoản tại Điều Khoản Giao Dịch Chung.
2. Đã nhận, đọc, được tư vấn, giải thích đầy đủ, hiểu rõ và chấp nhận, cam kết tuân thủ các điều khoản của Điều Khoản Giao Dịch Chung được VPBank niêm yết trên website <http://www.vpbank.com.vn>, tại Quầy giao dịch và trên các phương tiện khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ.
3. Hợp đồng này và Điều Khoản Giao Dịch Chung bảo đảm được sự bình đẳng giữa Bên vay và VPBank trong giao dịch này, theo đó Bên vay đồng ý chấp nhận các điều khoản và điều kiện tại Điều Khoản Giao Dịch Chung, bao gồm cả các điều khoản về miễn trách nhiệm của mỗi Bên, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bất kỳ Bên nào.
4. Điều Khoản Giao Dịch Chung là một Phụ lục gắn liền, không tách rời của Hợp Đồng này và cùng với Hợp Đồng này, (các) Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) tạo thành một Thỏa thuận cho vay, thỏa thuận về cầm cố tài sản thống nhất và có giá trị ràng buộc giữa Bên vay và VPBank.
5. VPBank có thể sửa đổi, điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của Điều Khoản Giao Dịch Chung trên cơ sở bảo đảm việc sửa đổi, điều chỉnh phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật. VPBank sẽ thông báo cho Bên vay các nội dung sửa đổi, điều chỉnh này bằng một trong các phương thức phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này và Điều Khoản Giao Dịch Chung.

Điều 4. Điều Khoản Thi Hành

1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay thực hiện xong Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và VPBank đã thực hiện xong các thủ tục để chấm dứt cầm cố đối với TSCC theo quy định của VPBank.
2. Bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên vay xác nhận rằng Bên vay đã được VPBank cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi xác lập Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin như lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định; thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ

gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí; thông tin về Hợp Đồng này và Điều Khoản Giao Dịch Chung, ...

3. Hợp Đồng này được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên vay giữ bản, VPBank giữ bản.
4. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp Đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng Bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây

BÊN VAY
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN VPBANK
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU BIỂU

1. Trường hợp áp dụng:

Mẫu biểu này được sử dụng cho trường hợp: Khoản vay từng lần và Khách hàng nhận giải ngân một lần; Tài sản bảo đảm là *tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi* tại VPBank/do VPBank phát hành; Tài sản cầm cố của chính bên vay.

2. Hướng dẫn mô tả tài sản cầm cố tại Điều 2:

Tùy thuộc vào tài sản cầm cố là gì (tiền gửi tiết kiệm gửi tại quầy, tiền gửi có kỳ hạn gửi tại quầy,...), Đơn vị căn cứ vào giấy tờ ghi nhận quyền sở hữu của tài sản cầm cố (ví dụ như Thẻ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (với trường hợp gửi tiền tại quầy giao dịch), ...) để mô tả về tài sản cầm cố. Trường hợp tài sản cầm cố chỉ gồm một, một số trong các loại tài sản được mô tả tại Khoản 1 Điều 2, Đơn vị xóa bỏ thông tin về các loại tài sản không cầm cố ra khỏi Khoản 1 Điều 2.